

## **CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2015 đến 30/09/2015

---

### **MỤC LỤC**

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán	1-4
2. Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	5
3. Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	6-7
4. Thuyết minh Báo cáo Tài chính	8-31

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

*Đơn vị tính: VND*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2015	01/04/2015
<b>A-Tài sản ngắn hạn</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>169.176.616.641</b>	<b>105.138.860.926</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>11.510.322.821</b>	<b>4.953.554.593</b>
1. Tiền	111		11.510.322.821	4.953.554.593
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>224.000.000</b>	<b>224.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		224.000.000	224.000.000
<b>III- Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>98.597.246.294</b>	<b>86.365.686.052</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	48.387.654.406	61.517.748.864
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	41.204.949.457	12.497.816.008
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	5.004.104.587	5.504.104.587
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.08	44.040.249.681	47.875.051.011
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(40.039.711.837)	(41.029.034.418)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	<b>56.765.261.219</b>	<b>12.788.279.921</b>
1. Hàng tồn kho	141		57.409.653.629	13.432.672.331
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(644.392.410)	(644.392.410)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.079.786.307</b>	<b>807.340.360</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	287.634.537	221.039.421
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.739.877.754	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	52.274.016	586.300.939
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/09/2015	01/04/2015
<b>B-Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>147.484.811.231</b>	<b>144.880.654.972</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>69.437.231.439</b>	<b>70.720.484.505</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	49.192.177.699	50.091.597.847
- Nguyên giá	222		64.427.616.540	63.622.050.736
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(15.235.438.841)	(13.530.452.889)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	20.245.053.740	20.628.886.658
- Nguyên giá	228		24.251.431.371	24.251.431.371
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4.006.377.631)	(3.622.544.713)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III- Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>76.118.912.275</b>	<b>72.170.885.386</b>
1. Đầu tư tư vào công ty con	251	V.02	113.142.912.275	109.194.885.386
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên danh	252	V.02	2.310.000.000	2.310.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.02	3.000.000.000	4.800.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.02	(42.334.000.000)	(44.134.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>V- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.928.667.517</b>	<b>1.989.285.081</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	1.928.667.517	1.989.285.081
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>Tổng cộng tài sản (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>316.661.427.872</b>	<b>250.019.515.898</b>



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

*Đơn vị tính: VND*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2015	01/04/2015
<b>A-Nợ phải trả (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>152.943.546.805</b>	<b>99.482.520.362</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>136.092.637.740</b>	<b>91.159.541.247</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	24.162.365.528	37.707.276.651
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	43.051.156.493	20.976.638.288
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	786.264.654	869.774.226
4. Phải trả người lao động	314	V.14	2.070.232.791	4.232.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	11.956.740.441	6.793.107.678
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	7.017.663.564	3.762.352.862
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	43.927.939.051	13.830.792.228
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	1.093.989.029	952.062.635
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	2.026.286.189	2.035.536.679
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>16.850.909.065</b>	<b>8.322.979.115</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	2.657.577.865	2.518.377.865
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	12.375.000.000	5.687.500.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18	1.818.331.200	117.101.250
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/09/2015	01/04/2015
<b>B-Vốn chủ sở hữu (400=410+430)</b>	<b>400</b>	<b>V.20</b>	<b>163.717.881.067</b>	<b>150.536.995.536</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>163.717.881.067</b>	<b>150.536.995.536</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		153.249.760.000	127.711.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		153.249.760.000	127.711.950.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(15.680.000)	(15.680.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	593.774.747
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.483.801.067	22.246.950.789
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.687.715.536	19.415.096.112
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.796.085.531	2.831.854.677
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II- Nguồn Kinh Phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>316.661.427.872</b>	<b>250.019.515.898</b>

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Trương Thị Phương Dung

TP. HCM, Ngày 12 tháng 11 năm 2015



Lâm Thiệu Quân

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2015 đến 30/09/2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

(Đơn vị tính: VND)

Từ ngày 01/07/2015 đến 30/09/2015

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/07/2015 đến 30/09/2015		Lũy kế từ 01/04/2015 đến 30/09/2015	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	57.268.175.634	10.817.671.714	66.102.168.630	14.776.717.152
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	57.268.175.634	10.817.671.714	66.102.168.630	14.776.717.152
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	41.660.801.900	9.849.198.913	48.372.017.930	13.090.324.024
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.607.373.734	968.472.801	17.730.150.700	1.686.393.128
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	101.682.929	4.408.311.281	5.231.151.017	6.507.309.282
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	1.460.241.903	823.613.648	2.212.455.624	1.864.393.170
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		904.005.012	823.613.648	1.591.470.321	1.863.168.170
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	5.401.190.432	55.032.666	8.467.142.686	102.632.082
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	2.695.493.007	2.360.175.422	4.233.141.633	4.517.619.825
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		6.152.131.321	2.137.962.346	8.048.561.774	1.709.057.333
11. Thu nhập khác	31	VI.07	19.960.546	6.142.993	45.704.128	197.767.781
12. Chi phí khác	32	VI.08	7.998	21.109.117	8.029	21.109.193
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		19.952.548	(14.966.124)	45.696.099	176.658.588
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		6.172.083.869	2.122.996.222	8.094.257.873	1.885.715.921
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	1.298.172.342	-	1.298.172.342	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		4.873.911.527	2.122.996.222	6.796.085.531	1.885.715.921

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. HCM, Ngày 12 tháng 11 năm 2015

Phòng giám đốc

Phạm Thị Bích Thảo

Trương Thị Phương Dung

Lâm Thiệu Quân





**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2015 đến 30/09/2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/04/2015 đến 30/09/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày	Từ ngày
			01/04/2015 đến 30/09/2015	01/04/2014 đến 30/09/2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.094.257.873	1.885.715.921
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.287.422.157	2.276.226.157
- Các khoản dự phòng	03		1.920.541.039	(36.132.576)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.119.119.861)	(6.491.679.281)
- Chi phí lãi vay	06		1.591.470.321	1.863.168.170
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.774.571.529	(502.701.609)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17.767.397.640)	10.107.847.747
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(43.976.981.298)	2.340.588.270
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		13.089.972.673	(7.710.343.201)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.977.552)	(73.331.197)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(1.214.526.265)	(1.902.332.601)
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		187.067.460	1.563.592.600
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		(196.317.950)	(89.496.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(41.109.589.043)</b>	<b>3.733.824.009</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.004.169.091)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2.809.091	5.479.089
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	5.529.030.500
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.184.381.401)	(26.033.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		4.745.080.000	2.158.848.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.937.571.849	6.289.224.739
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>4.496.910.448</b>	<b>12.956.549.328</b>



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2015 đến 30/09/2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/04/2015 đến 30/09/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Từ ngày 01/04/2015 đến 30/09/2015	Từ ngày 01/04/2014 đến 30/09/2014
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		6.384.800.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		47.427.939.051	2.019.639.950
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(10.643.292.228)	(19.162.082.847)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>43.169.446.823</b>	<b>(17.142.442.897)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>6.556.768.228</b>	<b>(452.069.560)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>4.953.554.593</b>	<b>893.698.102</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>11.510.322.821</b>	<b>441.628.542</b>

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Trương Thị Phương Dung

TP. HCM, Ngày 12 tháng 11 năm 2015



Tổng Giám đốc



Lâm Thiệu Quân

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2015 đến 30/09/2015

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Thương mại và dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh:**
  - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
  - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
  - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
  - Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
  - Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
  - Mua bán hệ thống an ninh, hệ thống báo cháy, báo trộm, giám sát bán hàng
  - Sản xuất và mua bán phần mềm tin học
4. **Nhân viên**  
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015 Công ty có 100 nhân viên đang làm việc
5. **Cấu Trúc Công ty**

Tên Công ty	Hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
<b>Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (*)</b>	Buôn bán thiết bị điện tử, viễn thông, cho thuê trạm BTS	48%	48%	51,01%
<b>Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh</b>	Mua bán các thiết bị điện tử.	69,14%	69,14%	69,14%
<b>Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông</b>	Mua bán các thiết bị điện tử.	99,92%	99,92%	99,92%
<b>Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến</b>	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí điện máy, máy văn phòng;	71,02%	71,02%	71,02%
<b>Công ty TNHH một thành viên kỹ thuật công nghệ Tiên Phong</b>	Sản xuất phần mềm tin học; Tư vấn, cài đặt,	100%	100%	100%
<b>Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh</b>	Mua bán camera quan sát, báo trộm, âm thanh thông báo, thiết bị đo lường công nghiệp, dân dụng; thiết bị điện, điện tử.	98,80%	98,80%	98,80%

(\*) Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu ít hơn 50% nhưng Công ty được nhận ủy quyền biểu quyết của Công ty cổ phần đầu tư Tánh Linh với tỷ lệ 3,01% vốn cổ phần thực góp trong Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu để nắm tổng số quyền biểu quyết trong Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu là 51,01%. Do vậy Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu bị Công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2015 đến 30/09/2015

**Công ty liên kết**

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty cổ phần định vị Tiên Phong có trụ sở chính tại Số 01 đường Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là kinh doanh thiết bị định vị. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này lần lượt là 64,92% và 25%.

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán bằng máy vi tính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

**3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

**4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2015 đến 30/09/2015

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Máy móc và thiết bị	03-05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03-06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02-05
Tài sản cố định khác	02

**6. Tài sản thuê hoạt động**

*Công ty là bên đi thuê*

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

**7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (30 năm).

***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 04 năm.

**8. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**9. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

***Thẻ hội viên chơi golf***

Chi phí đã trả được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 44 năm.

***Chi phí sửa chữa***

Chi phí sửa chữa văn phòng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 2-5 năm

**11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2015 đến 30/09/2015

**12. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là  $\frac{1}{2}$  tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí. Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

**13. Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được sử dụng cho đầu tư khoa học và công nghệ tại Công ty.

**14. Các khoản dự phòng phải trả**

Một khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng làm giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán khoản nợ đó đồng thời nghĩa vụ nợ phải trả được ước tính một cách đáng tin cậy. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ. Tỷ lệ chiết khấu được sử dụng là tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh rõ những ước tính trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

*Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa*

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính từ 1% đến 4,5 % trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa.

**15. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

**16. Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

**17. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

**18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

*Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2015 đến 30/09/2015

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

**20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

**Doanh thu bán hàng hoá**

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

<b>Đối tượng</b>	<b>30/09/2015</b>	<b>01/04/2015</b>
Tiền mặt	97.705.186	80.235.582
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	11 178 406 423	3.127.669.011
Tiền đang chuyển	234.211.212	1.745.650.000
<b>Cộng</b>	<b>11.510.322.821</b>	<b>4.953.554.593</b>

(\*) Trong đó tiền gửi không kỳ hạn có giá trị 2.075.275.000 VND tại ngân hàng TMCP Đầu Tư Phát Triển Việt Nam - CN HCM được phong tỏa để bảo lãnh dự thầu.



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2015 đến 30/09/2015

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng. Khoản tiền gửi này đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

<b>Đối tượng</b>	<b>30/09/2015</b>	<b>01/04/2015</b>
Gửi tiết kiệm tại BIDV HCM	224.000.000	224.000.000
<b>Cộng</b>	<b>224.000.000</b>	<b>224.000.000</b>

**2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Công ty cổ phần định vị Tiên Phong đã tạm ngừng hoạt động.

Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã có Quyết định số 04/2013/QĐ- MTTPS ngày 21 tháng 10 năm 2013 về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty cổ phần thiết bị điện Thạch Anh.

Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh đã có Thông báo số 144301/15 ngày 22 tháng 5 năm 2015 về việc giải thể Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Số đầu năm	44.134.000.000
Xử lý dự phòng	(1.800.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>42.334.000.000</b>

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2015 đến 30/09/2015

Đơn vị tính: VND

**2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)**

Đối tượng	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá Gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá Gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>113.142.912.275</b>	<b>(37.024.000.000)</b>	<b>76.118.912.275</b>	<b>109.194.885.386</b>	<b>(37.024.000.000)</b>	<b>72.170.885.386</b>
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (1)	26.634.616.155	-	26.634.616.155	25.664.811.667	-	25.664.811.667
Công ty cổ phần công nghệ tư động Tân Tiến (2)	9.266.284.800	-	9.266.284.800	7.254.960.000	-	7.254.960.000
Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh (3)	9.817.036.601	-	9.817.036.601	8.193.880.000	-	8.193.880.000
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh (4)	36.565.360.964	(34.484.000.000)	2.081.360.964	37.221.619.964	(34.484.000.000)	2.737.619.964
Công ty cổ phần công nghệ Tin Thông (5)	10.859.613.755	(2.540.000.000)	8.319.613.755	10.859.613.755	(2.540.000.000)	8.319.613.755
Công ty TNHH một thành viên phần mềm Tiên Phong (6)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	20.000.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>2.310.000.000</b>	<b>(2.310.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>2.310.000.000</b>	<b>(2.310.000.000)</b>	<b>-</b>
Công ty cổ phần định vị Tiên Phong	2.310.000.000	(2.310.000.000)	-	2.310.000.000	(2.310.000.000)	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị k</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>(3.000.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>4.800.000.000</b>	<b>(4.800.000.000)</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Điện Thạch Anh	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-
Công ty Cổ Phần Thái Sơn Tiên Phong	-	-	-	1.800.000.000	(1.800.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>118.452.912.275</b>	<b>(42.334.000.000)</b>	<b>76.118.912.275</b>	<b>116.304.885.386</b>	<b>(44.134.000.000)</b>	<b>72.170.885.386</b>





**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2015 đến 30/09/2015

(1) Trong kỳ Công ty đã mua thêm 135.600 cổ phiếu tương đương 2.549.900.000 VND và bán 262.800 cổ phiếu tương đương 1.580.095.512 VND của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 4.141.349 cổ phiếu, tương đương 48% vốn điều lệ của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (số đầu năm là 4.268.549 cổ phiếu, tương đương 48% vốn điều lệ).

Ngoài ra, Công ty được nhận ủy quyền biểu quyết của Công ty cổ phần đầu tư Tánh Linh với tỷ lệ 3,01% vốn thực góp (số đầu năm Công ty được các cá nhân ủy quyền với tỷ lệ là 5,38% vốn thực góp).

(2) Trong kỳ Công ty đã mua thêm 176.432 cổ phiếu tương đương 2.011.324.800 VND (giá mua trừ cổ tức nhận được) của Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 901.928 cổ phiếu, tương đương 71,02% vốn điều lệ của Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến (số đầu năm là 725.496 cổ phiếu, tương đương 57,13% vốn điều lệ).

(3) Trong kỳ Công ty đã mua thêm 159.133 cổ phiếu tương đương 1.623.156.601 VND (giá mua trừ cổ tức nhận được) của Công ty cổ phần tin học Siêu Tính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 978.521 cổ phiếu, tương đương 98,8% vốn điều lệ của Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần tin học Siêu Tính (số đầu năm là 819.388 cổ phiếu, tương đương 82,74% vốn điều lệ).

(4) Trong kỳ Công ty điều chỉnh giảm giá trị đầu tư tương ứng với số cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư là 656.259.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 4.871.358 cổ phiếu, tương đương 69,14% vốn điều lệ của Công ty đầu tư vào Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh (số đầu năm là 4.871.358 cổ phiếu, tương đương 69,14% vốn điều lệ).

(5) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 1.288.997 cổ phiếu, tương đương 99,92% vốn điều lệ của Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông (số đầu năm là 1.288.997 cổ phiếu, tương đương 99,92% vốn điều lệ).

(6) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 305815769 ngày 20 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên kỹ thuật công nghệ Tiên Phong 20.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

(7) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty cổ phần định vị Tiên Phong này lần lượt là 64,92% và 25% (tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ quyền biểu quyết số đầu năm lần lượt là 64,92% và 25%).

<b>3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>30/09/2015</b>	<b>01/04/2015</b>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>1.286.656.302</b>	<b>2.229.646.358</b>
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	431.985.626	650.488.190
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	388.851.437	439.892.838
Công ty cổ phần định vị Tiên Phong	211.161.685	211.161.685
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính	148.294.544	568.862.918
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem	69.613.686	79.217.271
Công ty TNHH MTV kỹ thuật công nghệ Tiên Phong	32.366.324	114.613.752
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	4.383.000	38.033.544
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông	-	32.588.579
Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	-	94.787.581
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b>47.100.998.104</b>	<b>59.288.102.506</b>
Tổng cục hải quan	9.696.381.160	9.688.406.160
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam	6.952.142.000	6.952.142.000
Công ty cổ phần Tasco	11.755.137.403	23.299.654.524
Công ty cổ phần tập đoàn Đức Long Gia Lai	10.038.000.000	-
Liên doanh Taisei - Vinaconex	3.309.958.592	8.106.734.155
Các khách hàng khác	5.349.378.949	11.241.165.667
<b>Cộng</b>	<b>48.387.654.406</b>	<b>61.517.748.864</b>



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2015 đến 30/09/2015

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	30/09/2015	01/04/2015
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<b>2.962.317.600</b>	-
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem	175.560.000	-
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông	2.786.757.600	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<b>38.242.631.857</b>	<b>12.497.816.008</b>
Mitsubishi Heavy Industries, Ltd.	8.250.703.440	8.250.703.440
Công ty cổ phần tư vấn quản trị công nghệ quốc tế	10.543.192.200	-
Công ty cổ phần thương mại hàng hóa quốc tế IPC	5.684.700.000	-
Nhà cung cấp khác	13.764.036.217	4.247.112.568
<b>Cộng</b>	<b>41.204.949.457</b>	<b>12.497.816.008</b>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	30/09/2015	01/04/2015
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty CP Định Vị Tiên Phong	300.000.000	300.000.000
Công ty CP Thiết bị Điện Thạch Anh	4.704.104.587	4.704.104.587
Công ty CP Thái Sơn Tiên Phong	-	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.004.104.587</b>	<b>5.504.104.587</b>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã lập dự phòng toàn bộ các khoản cho vay và tạm ngừng tính lãi vay.

6. Hàng tồn kho	30/09/2015		01/04/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.	33.147.128.570	-	9.799.918.975	-
Hàng hóa	24.262.525.059	644.392.410	3.632.753.356	644.392.410
<b>Cộng</b>	<b>57.409.653.629</b>	<b>644.392.410</b>	<b>13.432.672.331</b>	<b>644.392.410</b>

Giá trị hàng hóa tồn kho chậm tiêu thụ tiêu thụ hoặc khó có thể thanh lý để thu hồi giá trị cuối kỳ là 1.260.497.190 VND (số đầu năm là 1.260.497.190 VND).

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn	30/09/2015	01/04/2015
<i>7a. Chi phí trả trước ngắn hạn</i>		
Công cụ, dụng cụ	60.217.316	29.916.828
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng	63.262.320	180.711.318
Chi phí khác	164.154.901	10.411.275
<b>Cộng</b>	<b>287.634.537</b>	<b>221.039.421</b>

<i>7b. Chi phí trả trước dài hạn</i>		
Chi phí hội viên câu lạc bộ golf	725.315.348	737.271.095
Chi phí sửa chữa	799.270.371	1.101.588.120
Công cụ, dụng cụ	404.081.798	150.425.866
<b>Cộng</b>	<b>1.928.667.517</b>	<b>1.989.285.081</b>

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2015 đến 30/09/2015

Đơn vị tính: VND

8. Phải thu ngắn hạn khác	30/09/2015		01/04/2015	
	Giá Gốc	Dự phòng	Giá Gốc	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>42.084.055.621</b>	<b>34.467.230.390</b>	<b>46.310.174.220</b>	<b>34.861.765.390</b>
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến - cổ tức	2.705.784.000	-	2.176.488.000	-
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến - khác	32.791.278	-	153.568.105	-
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - cổ tức	2.070.674.500	-	4.268.549.000	-
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - khác	129.413.513	-	198.968.325	-
Công ty TNHH liên doanh Global sitem - khác	64.924.897	-	-	-
Công ty TNHH MTV phần mềm Tiên Phong - cổ tức	-	-	740.000.000	-
Công ty TNHH MTV phần mềm Tiên Phong - cho mượn	9.940.500.000	9.940.500.000	9.940.500.000	9.940.500.000
Công ty cổ phần định vị Tiên Phong - cho mượn, lãi vay	389.951.500	389.951.500	389.951.500	389.951.500
Công ty cổ phần thiết bị điện Thạch Anh - Lãi vay	636.778.958	636.778.958	636.778.958	636.778.958
Công ty cổ phần thiết bị điện Thạch Anh - cho mượn	19.999.999.932	19.999.999.932	19.999.999.932	19.999.999.932
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh - Cổ tức	2.435.679.000	-	1.779.420.000	-
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh - Cho mượn	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh - Khác	18.000.007	-	-	-
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính - Cổ tức	-	-	2.048.470.000	-
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính - Khác	159.558.036	-	82.945.400	-
Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong - Lãi	-	-	394.535.000	394.535.000
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.956.194.060</b>	<b>-</b>	<b>1.564.876.791</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	1.350.393.951	-	1.153.996.092	-
Phải thu bảo hiểm xã hội	39.827.309	-	5.136.025	-
Tạm ứng	396.132.475	-	187.162.210	-
Phải thu khác	169.840.325	-	218.582.464	-
<b>Cộng</b>	<b>44.040.249.681</b>	<b>34.467.230.390</b>	<b>47.875.051.011</b>	<b>34.861.765.390</b>



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2015 đến 30/09/2015

Đơn vị tính: VND

9. Tài sản cố định hữu hình					Đơn vị tính: VND
Đối tượng	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	44.587.188.572	17.382.379.854	810.057.946	842.424.364	63.622.050.736
Mua mới			916.796.364	87.372.727	1.004.169.091
Thanh lý TSCĐ	-	-		(198.603.287)	(198.603.287)
<b>Số cuối năm</b>	<b>44.587.188.572</b>	<b>17.382.379.854</b>	<b>1.726.854.310</b>	<b>731.193.804</b>	<b>64.427.616.540</b>
<i>Trong đó</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-	483.528.078	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	5.449.545.288	7.282.502.476	20.492.538	777.912.587	13.530.452.889
Khấu hao trong năm	743.119.812	1.009.079.202	118.437.962	32.952.263	1.903.589.239
Giảm khấu hao do thanh lý	-	-		(198.603.287)	(198.603.287)
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.192.665.100</b>	<b>8.291.581.678</b>	<b>138.930.500</b>	<b>612.261.563</b>	<b>15.235.438.841</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	39.137.643.284	10.099.877.378	789.565.408	64.511.777	50.091.597.847
<b>Số cuối năm</b>	<b>38.394.523.472</b>	<b>9.090.798.176</b>	<b>1.587.923.810</b>	<b>118.932.241</b>	<b>49.192.177.699</b>
<i>Trong đó</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2015 đến 30/09/2015

**10. Tài sản cố định vô hình**

Đối tượng	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	24.053.529.245	197.902.126	24.251.431.371
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>24.053.529.245</b>	<b>197.902.126</b>	<b>24.251.431.371</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu kỳ	3.424.642.587	197.902.126	3.622.544.713
Khấu hao trong kỳ	383.832.918	-	383.832.918
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.808.475.505</b>	<b>197.902.126</b>	<b>4.006.377.631</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	20.628.886.658	-	20.628.886.658
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>20.245.053.740</b>	<b>-</b>	<b>20.245.053.740</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/09/2015	01/04/2015
<b>11a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>13.959.454.572</b>	<b>17.336.717.956</b>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH một thành viên kỹ thuật công nghệ Tiên Phong	12.890.388.826	16.931.933.288
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu	804.693.615	36.012.350
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	245.734.067	108.108.404
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	10.113.064	20.009.214
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính	8.525.000	11.861.300
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông	-	228.793.400
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<b>10.202.910.956</b>	<b>20.370.558.695</b>
OPTITECH PTE LTD	4.179.845.370	12.872.305.912
Công ty TNHH công nghệ tin học C.P	2.055.669.994	21.550.000
Các nhà cung cấp khác	3.967.395.592	7.476.702.783
<b>Cộng</b>	<b>24.162.365.528</b>	<b>37.707.276.651</b>
<b>11.b Nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>1.849.477.453</b>	<b>-</b>
<i>Nợ quá hạn của các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH một thành viên kỹ thuật công nghệ Tiên Phong	1.849.477.453	-
<i>Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác</i>	<b>83.578.151</b>	<b>-</b>
Các nhà cung cấp khác	83.578.151	-
<b>Cộng</b>	<b>1.933.055.604</b>	<b>-</b>

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/09/2015	01/04/2015
<b>12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>43.051.156.493</b>	<b>20.976.638.288</b>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Liên danh Toshiba- Hitachi- Itochu	18.358.747.207	17.683.296.815
Tổng công ty phát triển hạ tầng và đầu tư tài chính	15.783.771.796	-
Chi nhánh Công ty TNHH Trùng Phương	4.380.000.000	-
Các khách hàng khác	4.528.637.490	3.293.341.473
<b>Cộng</b>	<b>43.051.156.493</b>	<b>20.976.638.288</b>



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2015 đến 30/09/2015

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	Số đầu năm			Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	863.757.728	-	-	-	(884.170.573)	-	(20.412.845)	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	3.104.564.335	-	(3.104.564.335)	-	-	
Thuế xuất, nhập khẩu	-	(31.861.171)	205.348.913	-	(205.348.913)	-	(31.861.171)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(554.439.768)	1.298.172.342	-	-	743.732.574	-	
Thuế thu nhập cá nhân	6.016.498	-	604.235.483	-	(567.719.901)	42.532.080	-	
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	-	3.000.000	-	-	
<b>Cộng</b>	<b>869.774.226</b>	<b>(586.300.939)</b>	<b>5.215.321.073</b>	<b>(4.758.803.722)</b>	<b>786.264.654</b>	<b>(52.274.016)</b>		

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp phần mềm
- Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khu phi thuế quan
- Hàng hóa, dịch vụ

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Không chịu thuế  
0%  
10%

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2015 đến 30/09/2015

*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**14. Phải trả người lao động**

Lương, thưởng phải trả nhân viên.

<b>15. Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>30/09/2015</b>	<b>01/04/2015</b>
Chi phí thi công cho công trình	11.658.453.774	6.533.228.400
Chi phí lãi vay	298.286.667	118.379.278
Chi phí khác	-	141.500.000
<b>Cộng</b>	<b>11.956.740.441</b>	<b>6.793.107.678</b>

**16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**

**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/09/2015</b>	<b>01/04/2015</b>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>2.392.426.726</b>	<b>120.054.166</b>
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến - phải trả dịch vụ tiện ích	4.298.250	-
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - Lãi vay	291.020.833	51.006.944
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - khác	3.174.600	-
Công ty TNHH MTV kỹ thuật công nghệ Tiên Phong - Cho mượn	2.000.000.000	-
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông - Lãi vay	26.070.000	69.047.222
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính - Phải trả dịch vụ tiện ích	67.863.043	-
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>4.625.236.838</b>	<b>3.642.298.696</b>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	22.086.570	-
Nguyễn Thị Thu Sương_ Tiền mượn	1.930.000.000	3.609.959
Phạm Thị Bích Thảo_ Tiền mượn	1.480.000.000	3.320.000.000
Phải trả khác	1.193.150.268	318.688.737
<b>Cộng</b>	<b>7.017.663.564</b>	<b>3.762.352.862</b>

**16b. Phải trả dài hạn khác**

	<b>30/09/2015</b>	<b>01/04/2015</b>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>1.052.562.665</b>	<b>1.052.562.665</b>
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	236.318.500	236.318.500
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	302.645.460	302.645.460
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	84.967.785	84.967.785
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	165.241.240	165.241.240
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	128.152.320	128.152.320
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	135.237.360	135.237.360
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.605.015.200</b>	<b>1.465.815.200</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	1.605.015.200	1.465.815.200
<b>Cộng</b>	<b>2.657.577.865</b>	<b>2.518.377.865</b>



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2015 đến 30/09/2015

Đơn vị tính: VND

**17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**

**17a. Vay ngắn hạn**

	30/09/2015		01/04/2015	
	Giá Trị	Số có khả năng trả nợ	Giá Trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan (1)</b>	<b>16.500.000.000</b>	<b>16.500.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông	9.000.000.000	9.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	1.500.000.000	1.500.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>27.427.939.051</b>	<b>27.427.939.051</b>	<b>7.830.792.228</b>	<b>7.830.792.228</b>
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (2)	27.427.939.051	27.427.939.051	7.830.792.228	7.830.792.228
<b>Cộng</b>	<b>43.927.939.051</b>	<b>43.927.939.051</b>	<b>13.830.792.228</b>	<b>13.830.792.228</b>

(1) Khoản vay các công ty con để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8% đến 9,5%/ năm.

(2) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và thế chấp 1.000.000 cổ phiếu niêm yết của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (xem thuyết minh số V2b).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	7.830.792.228	27.427.939.051	(7.830.792.228)	27.427.939.051
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	6.000.000.000	12.500.000.000	(2.000.000.000)	16.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.830.792.228</b>	<b>39.927.939.051</b>	<b>(9.830.792.228)</b>	<b>43.927.939.051</b>

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2015 đến 30/09/2015

**17b. Vay dài hạn**

Khoản vay Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu để thanh toán xây dựng trụ sở và bổ sung vốn lưu động với lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 02 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 725.496 cổ phiếu của Công ty cổ phần công nghệ Tân Tiến và 819.388 cổ phiếu Công ty cổ phần tin học Siêu Tỉnh (xem thuyết minh số V2b). Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	5.687.500.000
Số tiền vay phát sinh	7.500.000.000
Số tiền vay đã trả	(812.500.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>12.375.000.000</u></b>

**17c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**18. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn**

**18a. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến sản phẩm, hàng hóa. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	952.062.635
Tăng do trích lập trong kỳ	219.311.089
Số sử dụng trong kỳ	(77.384.695)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.093.989.029</u></b>

**18b. Dự phòng phải trả dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong kỳ	Số cuối kỳ
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá	-	1.701.229.950	1.701.229.950
Dự phòng trợ cấp thôi việc	117.101.250	-	117.101.250
<b>Cộng</b>	<b>117.101.250</b>	<b>1.701.229.950</b>	<b>1.818.331.200</b>

**19. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Số đầu năm	2.035.536.679
Nhận từ các Công ty con	187.067.460
Chi quỹ trong kỳ	(196.317.950)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>2.026.286.189</u></b>





**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2015 đến 30/09/2015

Đơn vị tính: VND

**20. Vốn chủ sở hữu**

**20.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

<b>Đối tượng</b>	<b>Vốn đầu cổ phần</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>Quỹ Đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Tổng cộng</b>
Số dư đầu kỳ trước	127.711.950.000	(15.680.000)	418.774.747	19.710.096.112	147.825.140.859
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	3.501.854.677	3.501.854.677
Trích lập các quỹ	-	-	175.000.000	(965.000.000)	(790.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>127.711.950.000</b>	<b>(15.680.000)</b>	<b>593.774.747</b>	<b>22.246.950.789</b>	<b>150.536.995.536</b>
Số dư đầu năm nay	127.711.950.000	(15.680.000)	593.774.747	22.246.950.789	150.536.995.536
Phát hành cổ phiếu chia cổ tức	19.153.010.000	-	-	(19.153.010.000)	-
Phát hành cổ phiếu thu tiền	6.384.800.000	-	-	-	6.384.800.000
Chuyển quỹ đầu tư phát triển	-	-	(593.774.747)	593.774.747	-
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	6.796.085.531	6.796.085.531
<b>Số dư, ngày 30/09/2015</b>	<b>153.249.760.000</b>	<b>(15.680.000)</b>	<b>-</b>	<b>10.483.801.067</b>	<b>163.717.881.067</b>

Trong kỳ, Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 100:15 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 15 cổ phiếu thưởng), nguồn phát hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 đã được kiểm toán theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 29 tháng 6 năm 2015 và Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu số 53/TGD/2015 ngày 18 tháng 9 năm 2015. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 19.153.010.000 VND.

Ngoài ra, Công ty phát hành 638.480 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên, theo danh sách Đại hội cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị lựa chọn với giá bán 10.000 VND/cổ phiếu.

Ngày 02 tháng 11 năm 2015, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 25 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 153.249.760.000 VND.

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2015 đến 30/09/2015

	30/09/2015	01/04/2015
<b>20 b. Cổ phiếu</b>		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.324.976	12.771.195
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	15.324.976	12.771.195
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.324.976	12.771.195
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.568	1.568
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.568	1.568
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.323.408	12.769.627
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.323.408	12.769.627
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**20 c. Phân phối lợi nhuận**

Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Công ty đã quyết định chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100:15 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 15 cổ phiếu thưởng).

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

<b>21a. Ngoại tệ các loại</b>	30/09/2015	01/04/2015
Dollar Mỹ (USD)	7.079,15	7.236,98
Euro (EUR)	73,24	14,57

**21b. Nợ khó đòi đã xử lý**

Khoản nợ phải thu và đầu tư góp vốn Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong đã được xóa sổ do công ty này đã giải thể, cụ thể như sau:

	30/09/2015	01/04/2015
Phải thu tiền bán hàng	94.787.581	-
Tiền cho vay	500.000.000	-
Lãi cho vay	394.535.000	-
Đầu tư góp vốn	1.800.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.789.322.581</b>	<b>-</b>

**21c. Phân phối lợi nhuận**

Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Công ty đã quyết định chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100:15 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 15 cổ phiếu thưởng).



**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2015 đến 30/09/2015

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Đối tượng	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/07/2014 đến 30/09/2014	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014
<b>1a. Tổng doanh thu</b>	57.268.175.634,00	10.817.671.714	66.102.168.630	14.776.717.152
- Doanh thu bán hàng hóa	51.831.456.460	5.755.923.270	57.457.282.580	5.755.923.270
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.436.719.174	5.061.748.444	8.644.886.050	9.020.793.882
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>57.268.175.634</b>	<b>10.817.671.714</b>	<b>66.102.168.630</b>	<b>14.776.717.152</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các công ty con và công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với Công ty TNHH liên doanh Global Sitem với số tiền là 307.630.457 VND (cùng kỳ năm trước là 307.969.441 VND).

**2. Giá vốn hàng bán**

Đối tượng	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/07/2014 đến 30/09/2014	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	35.627.046.071	5.190.280.011	40.079.814.286	5.190.280.011
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.033.755.829	4.658.918.902	8.292.203.644	7.900.044.013
<b>Cộng</b>	<b>41.660.801.900</b>	<b>9.849.198.913</b>	<b>48.372.017.930</b>	<b>13.090.324.024</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Đối tượng	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/07/2014 đến 30/09/2014	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.067.911	-	6.067.911	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	71.281.626	2.562.281	92.290.726	4.864.144
Lãi tiền cho vay	1.783.871	-	1.783.871	95.315.338
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	4.405.749.000	1.943.474.500	6.168.281.800
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	22.549.521	-	22.549.521	-
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	-	-	3.164.984.488	238.848.000
<b>Cộng</b>	<b>101.682.929</b>	<b>4.408.311.281</b>	<b>5.231.151.017</b>	<b>6.507.309.282</b>

**4. Chi phí hoạt động tài chính**

Đối tượng	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/07/2014 đến 30/09/2014	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014
Chi phí lãi vay	904.005.012	823.613.648	1.591.470.321	1.863.168.170
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	556.236.891	-	610.042.833	1.225.000
Các khoản chi phí khác	-	-	10.942.470	-
<b>Cộng</b>	<b>1.460.241.903</b>	<b>823.613.648</b>	<b>2.212.455.624</b>	<b>1.864.393.170</b>



**5. Chi phí bán hàng**

<b>Đối tượng</b>	<b>Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015</b>	<b>Từ 01/07/2014 đến 30/09/2014</b>	<b>Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015</b>	<b>Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014</b>
Chi phí cho nhân viên	4.646.997.485	-	7.004.289.288	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	99.650.717	-	135.116.467	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.125.001	-	12.250.002	-
Chi phí bảo hành	-	-	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	548.474.071	-	1.069.328.085	102.632.082
Chi phí khác	99.943.158	55.032.666	246.158.844	-
<b>Cộng</b>	<b>5.401.190.432</b>	<b>55.032.666</b>	<b>8.467.142.686</b>	<b>102.632.082</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

<b>Đối tượng</b>	<b>Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015</b>	<b>Từ 01/07/2014 đến 30/09/2014</b>	<b>Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015</b>	<b>Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014</b>
Chi phí cho nhân viên	2.239.344.286	1.027.698.492	3.345.070.864	2.782.910.713
Chi phí đồ dùng văn phòng	25.785.915	26.528.372	59.251.714	53.669.884
Chi phí khấu hao tài sản cố định	72.959.840	91.342.808	120.736.906	119.530.478
Hoàn nhập phải thu khó đòi	-	-	-	(451.307.500)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	298.132.266	1.203.288.205	571.159.574	1.963.949.456
Chi phí khác	59.270.700	11.317.545	136.922.575	48.866.794
<b>Cộng</b>	<b>2.695.493.007</b>	<b>2.360.175.422</b>	<b>4.233.141.633</b>	<b>4.517.619.825</b>

**7. Thu nhập khác**

<b>Đối tượng</b>	<b>Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015</b>	<b>Từ 01/07/2014 đến 30/09/2014</b>	<b>Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015</b>	<b>Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014</b>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, CCDC	4.000.000	5.002.993	5.272.727	5.479.089
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-	43.791.076
Thu khác	15.960.546	1.140.000	40.431.401	148.497.616
<b>Cộng</b>	<b>19.960.546</b>	<b>6.142.993</b>	<b>45.704.128</b>	<b>197.767.781</b>

**8. Chi phí khác**

<b>Đối tượng</b>	<b>Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015</b>	<b>Từ 01/07/2014 đến 30/09/2014</b>	<b>Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015</b>	<b>Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014</b>
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	-	21.109.089	-	21.109.089
Chi phí khác	7.998	28	8.029	104
<b>Cộng</b>	<b>7.998</b>	<b>21.109.117</b>	<b>8.029</b>	<b>21.109.193</b>

**9. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế suất áp dụng

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



## 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Đối tượng	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/07/2014 đến 30/09/2014	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014
Chi phí hàng hóa xuất bán	46.086.735.819	5.190.280.011	53.491.870.194	5.190.280.011
Chi phí nhân công	7.210.531.771	1.027.698.492	10.741.125.152	2.782.910.713
Thiết bị văn phòng và VPP	-	26.528.372	-	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.158.271.373	1.166.759.760	2.287.422.157	2.276.226.157
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.943.236.071	4.786.790.155	17.516.012.922	-
Chi phí khác	158.703.858	66.350.211	383.081.419	5.121.552.597
<b>Cộng</b>	<b>66.557.478.892</b>	<b>12.264.407.001</b>	<b>84.419.511.844</b>	<b>15.370.969.478</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### *1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 1.316.510.000 VND (cùng kỳ năm trước là 1.006.722.273 VND).

#### *1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

#### Bên liên quan khác

Công ty TNHH liên doanh Global Sitem

Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong

Công ty cổ phần In No

Công ty TNHH một thành viên hạ tầng kỹ thuật Toàn Cầu

Giao dịch với các bên liên quan khác với công ty TNHH Liên Doanh Global Sitem như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hoá và dịch vụ	43.852.888	-
Cho vay	350.000.000	-
Lãi vay	1.783.871	-
Thanh lý công cụ dụng cụ	1.272.727	-
Phải thu chi phí chia sẻ	78.841.064	-

**Cam kết bảo lãnh**

Công ty cam kết bảo lãnh cho khoản vay của Công ty cổ phần thiết bị điện Thạch Anh tại Công ty TNHH một thành viên kỹ thuật công nghệ Tiên Phong với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 9.940.500.000 VND.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - Công ty con</b>		
Mua hàng	2.173.960.930	17.600.000
Cho thuê kho, thuê văn phòng	958.822.625	1.072.290.290
Phí nhượng quyền	512.840.000	500.342.000
Lãi đi vay	851.697.916	18.899.199
Quỹ phúc lợi chuyển về Công ty mẹ	163.181.000	-
Đi vay	13.500.000.000	1.550.000.000
Nhận cổ tức	1.943.474.500	4.405.749.000
<b>Công ty cổ phần tin học Siêu Tính</b>		
Cho thuê kho, thuê văn phòng	445.450.023	611.146.505
Nhận cổ tức	397.832.500	819.388.000
Phí nhượng quyền	275.925.293	404.856.639
Quỹ phúc lợi chuyển về Công ty mẹ	11.017.421	-
Chia sẻ chi phí	190.792.427	-
Mua hàng hoá và dịch vụ	328.918.000	-
Phải trả chi phí khác	61.693.675	-
<b>Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến</b>		
Phí nhượng quyền	284.313.562	277.079.155
Nhận cổ tức	529.296.000	943.144.800
Quỹ phúc lợi chuyển về Công ty mẹ	12.869.039	-
Cho Thuê kho, thuê văn phòng	780.325.045	794.492.502
Mua hàng hoá	329.133.328	10.474.090
Phải thu chi phí chia sẻ	25.527.194	-
Phải trả chi phí chia sẻ	17.233.000	-
<b>Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh</b>		
Cho Thuê kho, thuê văn phòng	176.242.746	281.509.242
Lãi cho vay	-	95.315.338
Nhận cổ tức	656.259.000	-
Mua hàng hoá và dịch vụ	125.114.236	18.756.650
Cho vay	-	1.000.000.000
Lãi đi vay	91.437.499	-
Phải thu chi phí chia sẻ	34.960.013	-



**Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông**

Bán hàng hoá và dịch vụ	94.750.000	-
Phải thu chi phí chia sẻ	16.916.335	-
Mua hàng hoá và dịch vụ	12.217.528.036	5.577.000
Cho Thuê kho, thuê văn phòng	116.867.519	262.522.836
Lãi đi vay	163.793.333	45.469.867
Đi vay	6.500.000.000	-

**Công ty TNHH một thành viên kỹ thuật công nghệ Tiên Phong**

Bán hàng hóa dịch vụ	80.000.000	10.840.500
Cho Thuê kho, thuê văn phòng	167.411.964	780.923.451
Phí nhượng quyền	-	66.954.797
Mua hàng hoá và dịch vụ	1.058.600.000	6.151.356.782
Mượn tiền	2.070.000.000	-

*Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp*

*Công ty đã dùng 1.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.*

*Ngoài ra, Công ty còn dùng 725.496 cổ phiếu của Công ty cổ phần công nghệ Tân Tiến và 819.388 cổ phiếu của Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh để đảm bảo cho khoản vay tại Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu.*

**2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

**2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Cơ cấu doanh thu, lãi gộp theo lĩnh vực kinh doanh từ 01/04/2015 đến 30/09/2015

Lĩnh vực	Doanh thu	Giá vốn	Lãi gộp
Viễn thông - tin học	6.054.203.084	5.022.344.260	1.031.858.824
Hạ tầng - Giao thông	52.234.869.524	37.568.740.337	14.666.129.187
Điện - Điện Công Nghiệp	2.610.957.000	1.953.722.485	657.234.515
Lĩnh vực khác	5.202.139.022	3.827.210.848	1.374.928.174
<b>Tổng cộng</b>	<b>66.102.168.630</b>	<b>48.372.017.930</b>	<b>17.730.150.700</b>

**2b. Thông tin về khu vực địa lý**

*Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.*

**3. Giải trình chênh lệch lợi nhuận**

Chỉ tiêu	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014	Chênh lệch	So sánh
Tổng doanh thu	66.102.168.630	14.776.717.152	51.325.451.478	347%
Lợi nhuận gộp	17.730.150.700	1.686.393.128	16.043.757.572	951%
Doanh thu tài chính	5.231.151.017	6.507.309.282	(1.276.158.265)	-20%
Chi phí tài chính	2.212.455.624	1.864.393.170	348.062.454	19%
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>	<b>6.796.085.531</b>	<b>1.885.715.921</b>	<b>4.910.369.610</b>	<b>260%</b>

Tổng doanh thu so với cùng kỳ năm trước tăng 347% do một số dự án của công ty đã hoàn tất trong kỳ này, dẫn đến lãi gộp tăng 951%. Bên cạnh đó doanh thu hoạt động tài chính giảm 20% chủ yếu là do cùng kỳ năm nay không có lãi bán khoản đầu tư và cổ tức của các công ty con chưa chuyển về. Chính vì nguyên nhân chủ yếu trên mà dẫn đến kết quả lợi nhuận sau thuế kỳ này tăng 260% so với cùng kỳ năm trước.

#### 4. Số liệu so sánh

##### 4a. Áp dụng qui định kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 04 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

##### 4b. Ảnh hưởng của việc áp dụng qui định kế toán mới

Việc áp dụng qui định kế toán mới không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Trương Thị Phương Dung

TP. HCM, Ngày 12 tháng 11 năm 2015

Tổng Giám đốc



Lâm Thiệu Quân

